

SỐ 810

KINH CHƯ PHẬT YẾU TẬP

(KINH PHÁP CỐT YẾU CỦA CHƯ PHẬT)

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa nơi khu rừng cây Nại, nước Ma-kiệt-đà, trú ở núi Nhân-sa-cự (đời Tấn dịch là Đế thọ thạch thất) phía Bắc xứ ấy, cùng với đầy đủ chúng đại Tỳ-kheo năm ngàn vị và hai vạn Bồ-tát, đều an trụ nơi quả vị không thoái chuyển, đạt pháp Nhẫn bất khởi (Vô sinh) thân, khẩu, ý an định gồm sáu ba đời, một mình đi trong ba cõi, giáo hóa chúng sinh, tùy bệnh cho thuốc, ai cũng được chữa lành, như Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Di-lặc... Lại có tám vạn bốn ngàn chư Thiên, đều tín ngưỡng nơi Phật đạo.

Bấy giờ, bốn Bộ chúng đều đến chỗ Phật, tuy muốn nghe kinh nhưng không thể chuyên tinh, chán pháp đã giảng, ai cũng xao lãng, phần nhiều chạy theo việc riêng, lấy năm trước làm sự nghiệp. Đức Phật suy nghĩ: “Mọi người chán nản đối với giáo pháp đã giảng nói, chẳng chịu đến hỏi để thọ nhận lời pháp, chẳng thấy Như Lai, chẳng nghe chánh kinh, chẳng ghi vào lòng, tâm chẳng tư duy, chẳng thể tu tập!”

Đức Phật lại tự nghĩ: “Ta muốn thị hiện giống như là ở yên một chỗ, chẳng tự hiện hình, rồi đến quốc độ của Phật ở phương khác, cùng với các Đức Như Lai đồng giảng giải pháp cốt yếu của chư Phật”.

Đức Phật lại quán sát: Chư Phật Thế Tôn hiện hội ở phương nào? Liền thấy ở phương Đông, cách cõi này tám vạn bốn ngàn ức thế giới chư Phật, nước tên là Phổ quang, Phật hiệu là Như Lai Thiên Vương Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Chư Phật hội ở nơi ấy.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai sẽ vào thất nơi núi Nhân-sa-cự thiên tọa ba tháng. Các chúng Thiên, Long, Thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân, Phi nhân, nếu có ai đến thì giảng giải ý đó, chớ cho vào thất.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Đại Thánh Từ bi, tôn đức cao vời, chư Thiên thần diệu, oai lực của họ thấu suốt, thân hình vi tế, tâm ý khó có thể nhận biết, đi đến nhiều lượt thì không thể nào giữ nổi. Con yếu kém, không có sức thần túc, nếu rời khỏi sự che chở của Ngài thì sự thi triển thần túc không bằng Tôn giả Mục-liên. Như Lai đã khen ngợi Tôn giả Đại Mục-liên là thần thông đệ nhất, bay đi khắp mười phương không hề bị trở ngại, chỉ có thể ủy thác

cho sự hộ vệ sau này.

Phật bảo A-nan:

–Đừng nói những lời đó. Như Lai Chí Chân chẳng cần người hộ vệ. Nay Phật quán xét nơi cõi trời và nhân gian, các ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, dân chúng, A-tu-luân, không ai có khả năng vận dụng oai lực làm lay động sự kiến lập của Như Lai Vô Thượng Chí Chân. Ông nên im lặng, Như Lai ở trong chúng có khả năng tự bảo vệ, không cần người hộ vệ.

Lại nữa, A-nan! Nếu có thiện nam, tín nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, chư Thiên, Long thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hù-lặc, Nhân, Phi nhân đi đến chỗ ấy mà Như Lai Chí Chân còn thiên tọa, thì ông sẽ vì họ giảng nói chỉ giáo như thế này: Phật pháp khó gặp, hiểu rõ về diệu nghĩa cũng vậy. Thân người khó được, đạo kinh pháp là ít có, Như Lai cứu đời, đúng thời kỳ mới xuất hiện; có thể tin tưởng nơi kinh điển của Như Lai đã giảng dạy, xuất gia hành đạo, gặp được thầy giỏi bạn hiền, luôn theo học hỏi tinh tấn, ưa thích điều ấy, lại cũng khó đạt. Nếu lại mong thấy kinh sáng tỏ, Tỳ-kheo giảng pháp thanh tịnh thì điều này chẳng thể được. Tâm ưa bố thí, nếu gặp bậc Thế Tôn để cúng dường tạo được sự thanh tịnh hoàn toàn tất cũng khó gặp. Giả sử, người hiếu thuận luôn có sự báo ân, lại siêng năng học hỏi, tuân trì giới kinh, trọn đời không hủy phạm, việc ấy cũng khó thấy. Hoặc có người thương xót chúng sinh mà phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng; vừa phát tâm xong, liền có khả năng hành theo giáo pháp của Phật, rốt ráo đạo Bồ-tát, đó là việc hết sức khó.

Phật bảo A-nan:

–Khi Như Lai thiên tọa, bốn Bộ chúng, chư Thiên, Long, Thần, A-tu-luân... Nhân phi nhân đi đến chỗ ấy nhằm để nghe pháp, thì nên vì họ mà nêu giảng giáo pháp như thế.

Phật lại bảo A-nan:

–Ông tiếp nhận giáo pháp Phật, vì họ mà giảng nói thế này: Như Lai Chí Chân có vô số phương tiện, tùy thời mà hóa độ chúng sinh trừ bỏ tà kiến mê hoặc phi pháp, các ông nên thừa mạng tu theo giáo pháp chánh chân. Nay A-nan! Thế nào gọi là tà kiến? Nghĩa là lễ bái yêu thuật, lừa bịp của kẻ khác, theo chư Thiên, thờ cúng quỷ thần, như thần xương khô, cây mục, núi, cây, sông, suối, đá; cúng vái đất trời, nhật nguyệt, các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Bắc đẩu, thổ địa, trăn, rắn, chim, thú, hươu nai, thường luồng, rồng, thờ cúng bao nhiêu là yêu tinh kỳ quái khác, đó gọi là tà kiến.

Lại nữa, này A-nan! Chấp chặt nơi ngã và ngã sở, tham đắm thọ mạng của con người; chấp đoạn diệt, chấp thường còn, đó gọi là tà kiến. Nói tóm lại, ta sẽ vì ông mà giảng nói về tà kiến vi tế. Nếu thiện nam, thiện nữ tự dấy khởi vọng tưởng, muốn đắc Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, hay chứng đắc quả Phật, mà bám lấy sự diệt độ, thì gọi đó là tà kiến.

Lại nữa, A-nan! Như Lai Chí Chân đang thiên tọa, thì nên vì họ mà giảng giải pháp yếu này: Các vị là người đang tu học, thường nên tín mộ pháp nghĩa, ưa thích pháp lạc, cho pháp là trên hết, tu niệm thanh tịnh, dốc hết lòng tin, được nhiều điều an vui; biết hổ thẹn, kính cẩn, khép nép sợ sệt, ở trong ba cõi chắc chắn giải thoát; Từ, Bi, Hỷ, Hộ (Xả), thực hành bốn Đẳng tâm (Tâm vô lượng); những chỗ đi qua luôn luôn tùy thời mà nhẫn nhục, hòa nhã, khiêm tốn, nhún nhường; chỉ chú trọng nơi pháp nghĩa, không chọn lấy vẻ trang sức; chỉ quy về trí tuệ, không theo chỗ chấp giữ nơi thức; chỉ theo chỗ mẫu nhiệm nơi kinh, không chọn lời hoa mỹ; chỉ quy y chánh pháp, chẳng theo con

người, dạy bảo khiến tu theo pháp nhãn thâm diệu. Gọi là hóa độ giải thoát, đó là ba cửa giải thoát; siêng năng làm theo hạnh không, chẳng chấp ngã và ngã sở; tu tập vô tướng, vứt bỏ mong cầu; thực hành vô nguyện, loại trừ lời thề chấp; nên vì chúng sinh giảng nói mười hai nhân duyên, tất cả các pháp do nhân duyên khởi. Nếu không nhân duyên thì không có sự phát khởi, cũng không có sự hoại diệt. Nên quán sát kỹ sự phát khởi của mười hai nhân duyên, xem xét nguồn gốc của nó mà làm theo. Nếu không quán xét kỹ về mười hai nhân duyên thì sẽ dẫn đến vấn nạn này: “Phải nên quán như thế nào?”.

A-nan nên biết! Mười hai mắc xích ấy không có đầu mối. Đã không có chỗ sinh thì đạt được pháp Nhãn bất khởi. Nếu chẳng khởi niệm thì đó là quán xét kỹ mười hai nhân duyên. Lại nên phân biệt chánh hạnh của bậc Hiền thánh, vì chúng sinh mà thuyết pháp. Thế nào là Thánh đế? Là sự vận hành đúng với sự thật. Thánh đế ấy, nếu dùng tâm lắng nghe suy tính, thì không thành thật, cũng không giả dối. Cái không thành thật, không giả dối ấy, đó chính là Thánh đế. Ý nghĩa của chân đế là thành thật, nhưng không do đâu sinh. Cái chân đế ấy là sự thật, là chân chánh, là đế lìa dục, là đế tít ly giải, là đế không ngôn từ, là đế không chỗ hành, là đế không tạo nghiệp, là đế không sở hữu, là chân đế phổ biến, không cao, không thấp; tức là chân đế duy nhất; chân đế không lầm lỗi, chân đế không diệt độ, là chân đế vô vi.

Này A-nan! Giả sử hiểu rõ tất cả pháp là chẳng khởi chẳng diệt, hoàn toàn không chỗ trụ, không khác với chúng sinh, thì gọi chân đế Hiền thánh. Vì vậy Như Lai thuyết giảng pháp như thế. Đệ tử hiền minh tu hành vô vi, nhằm hiểu rõ về tuệ, để khổ chẳng khởi, đạt không chốn sinh, thì gọi là Khổ đế. Nếu bị phiền não họa hoạn ở trong khổ thọ, nhưng chẳng tập theo các hành, đoạn dứt nhân duyên, nhân duyên đã đoạn, thì đó gọi là trừ bỏ Tập đế. Nếu có thể diệt hết tất cả khổ, vĩnh viễn không sinh lại, thì gọi đó là Tận đế (Diệt đế). Thế nào là Đạo đế? Nếu tu tập theo nghĩa đạo, chẳng tạo hai nghiệp, pháp thiện và bất thiện, hội nhập nơi một cửa, cầu đạt con đường như thế, thì gọi là ba cửa giải thoát. Chư Phật quá khứ và các đệ tử, do con đường ấy mà đạt đến nơi không có chỗ đến, mà chọn lấy sự giải thoát, vì vậy gọi là tám Thánh đạo: một là chánh kiến, hai là chánh niệm (tư duy), ba là chánh ngôn (ngữ), bốn là chánh nghiệp, năm là chánh hoạt (mạng), sáu là chánh phương tiện (tinh tấn), bảy là chánh ý (niệm), tám là chánh định. Lấy đó để giữ gìn tâm ý, nhân đây giảng nói pháp bình đẳng; tánh đã bình đẳng thì đối với các pháp chẳng còn vọng tưởng. Đây mới gọi là trở về nơi con đường tu tập chính đáng.

Lại nữa, A-nan! Thuyết giảng pháp như thế, các ông siêng năng tinh tấn quay về bốn Ý chỉ, vì các chúng hội ban bố giảng giải ba mươi bảy phẩm Đạo hạnh để kiến lập giáo pháp. Những gì là ba mươi bảy phẩm? Nếu đứng về mặt thuận nghĩa thì đạt được chỗ như nhiên đều nhờ nơi văn tự. Nếu các loại văn tự mà Như Lai dùng để kiến lập các pháp, thì các văn tự ấy cũng tự nhiên không, bất sinh, bất hoại. Nếu có giảng nói hay không giảng nói cũng như nhau, chẳng tăng, chẳng giảm, cho nên văn tự vì như nhau nên bình đẳng. Này A-nan! Giả sử Tỳ-kheo cùng nhận biết văn tự là pháp đạo phẩm thì chỗ trụ là thuận nghĩa.

Lại nữa, A-nan! Khi Như Lai thiền tọa, nếu có Thiên, Long, Quỷ thần, Kiền-đạp-hòa, Nhân phi nhân đến thì nên vì họ mà thuyết giảng về ba đời bình đẳng: Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, tuy rơi vào điên đảo, nhưng cũng vốn thanh tịnh. Tất cả các pháp cũng đều là không, không có ba đời, cũng không chỗ trụ; quá khứ

đã không, vị lai cũng không, hiện tại cũng không; cũng như không không, không có không cũng không. Cũng như ba đời không, người không cũng như thế. Ba đời không gọi là bình đẳng, nhập vào một nghĩa, không có nhiều nghĩa. Nếu vì họ thuyết pháp phải trừ bỏ ba cõi mới được an ổn. Thế nào gọi là trừ bỏ ba cõi? Nếu có Tỳ-kheo ngay khi tư duy mà quán xét về cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, tâm tưởng phát sinh thì tư tưởng ấy cũng không sở hữu. Hiểu ba cõi là không sở hữu rồi thì không tưởng, không chẳng tưởng, không tinh tấn, không biếng lười, không có kiến lập, cũng chẳng thề nguyện, chẳng xét, chẳng niệm đều rời tâm niệm, đạt ba cửa giải thoát, ân cần tinh chuyên, tu chứng trí tuệ, phụng hành ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thế nào gọi là ba môn giải thoát? Chứng đắc trí tuệ, chẳng bỏ bình đẳng, tự tại đối với các pháp, không có tạo tác và chẳng tạo tác, biết tất cả pháp đều trở về tận diệt, vắng lặng, chẳng nhập thiên, ý chẳng đọa lạc, chẳng chấp có một cũng chẳng có nhiều, đó là ba môn giải thoát, chứng đắc trí tuệ.

Lại nữa, A-nan! Nên vì họ giảng nói giáo pháp, khiến trừ bỏ năm ấm là sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức. Nếu thọ những ấm này thì gọi là thanh ấm, còn không thọ thì là không ấm. Giả sử người tu hành ở chỗ vắng vẻ, nên khởi quán thế này: Như Lai thường nói: Sắc như bọt nước tụ, thống dương (thọ) như bong bóng nước, tưởng như dợn nắng, hành như cây chuối, tâm thức như huyền hóa. Phật tuệ như mặt trời tỏa chiếu khắp hư không, đích thân thuyết giáo bảo người tu hành, nên khởi quán như vậy. Lời giảng của Như Lai, người có thể lãnh hội nghĩa, nhưng ta thì chẳng hiểu nên chẳng tức thời tỏ ngộ. Cõi Dục như bọt nước tụ, cũng là không, cõi Sắc cũng không, cõi Vô sắc cũng không nên chẳng chấp đắm nơi ba cõi. Người chẳng dựa vào đâu thì không có xứ sở, như bọt nước, không có ngã, không có nhân, không có thọ mạng. Vì vậy cho nên tất cả các pháp đều không có nhân, không có chúng sinh, đều như bọt nước, bong bóng nước, sóng nắng, cây chuối. Thức như huyền hóa, huyền ấy cũng không, nên chẳng tham đắm ba cõi. Nếu tự tại nơi các pháp, chẳng đắm chấp ba cõi, không có xứ sở thì không có chỗ nương. Cái huyền hóa ấy chẳng lại ở ngay nơi ngã, nhân, thọ mạng. Chỗ hiểu rõ sự thật ấy cũng không có gốc rễ của ngã, nhân, thọ mạng. Người nào quán năm ấm không có xứ sở như thế, thì không còn có năm ấm.

Lại nữa, A-nan! Nên giảng nói pháp phân biệt tiêu trừ sáu nhập ở trong và ở ngoài, phân biệt chúng đầy đủ. Những gì là sáu nhập ở trong và ở ngoài? Như Lai thường nói, cái ngã của ta là không. Vì sao? Vì tất cả vốn thanh tịnh; nhãn, nhĩ, tỷ, khẩu (thiệt), thân, ý cũng không, vốn thanh tịnh vô ngã. Lo vì vốn thanh tịnh, rỗng lặng, không có các nhập thì không có sắc, thanh hương, vị, tế hoạt (xúc), pháp xứ. Nếu không có nhãn, nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý, không duyên vào thức thì không có sáu nhập trong và ngoài. Những gì là sáu nhập ở ngoài? Đối với tất cả pháp đều không có chỗ thọ nhận, cũng không có chỗ xả bỏ, từ tư tưởng phát sinh sáu nhập bên ngoài, chẳng tập theo các nhập thì không có xứ sở.

Phật dạy A-nan:

–Như Lai thiên tọa, nếu có người đến thì nên vì họ mà thuyết giảng pháp nghĩa thế này: Phật thi triển oai thần, hiển thị sự biến hóa; nếu có căn cơ thích hợp và người nên hóa độ, thì đều được nghe pháp ấy. Còn chúng sinh khác chẳng thấy, chẳng nghe, thì chỉ thấy Phật im lặng, miệng chẳng nói gì.

Khi nêu giảng pháp này, năm ngàn Tỳ-kheo lậu dứt hết các lậu, tâm ý khai mở, bốn vạn hai ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh, ba trăm Tỳ-kheo-ni

đắc A-la-hán; bảy ngàn chúng sinh được lia ái dục.

Bấy giờ, Đức Phật lại bảo A-nan:

–Ông hãy đi đến thạch thất, trải tọa cụ cho Như Lai, chỉ dùng cỏ sô. Như Lai sẽ thiên tọa trên đó ba tháng.

A-nan bạch Phật:

–Nên đặt giường nằm, trải nệm mềm mại, dùng cỏ sô làm gì!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Thôi thôi! Thôi thôi! Chư Phật Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác quá khứ đều dùng cỏ sô để làm chỗ ngồi, đừng dùng đồ mềm mại, sặc sỡ, cao dày mà làm cho đẹp, vừa ý. Tu hành thuận theo đạo pháp mới là điều an lành lớn.

Tôn giả A-nan vâng lời, liền rời chỗ ngồi, đi khỏi chúng hội, ra ngoài tìm cỏ. Ngay khi ấy, vô số trăm ngàn ức chư Thiên đều mang loại cỏ tốt mềm mại của cõi trời, để trước mặt Tôn giả A-nan, A-nan liền nhặt lấy mang về thạch thất, trải làm chỗ ngồi bằng cỏ sô cho Phật. Trải xong, tức thời vô số trăm ngàn ức chư Thiên đều lấy Thiên y trải lên trên cỏ; y cụ đã trải, số lượng rất nhiều, dù khắp cả nhân gian dùng để mặc cũng không thể hết, nhưng oai thần của Phật đã biến số y được trải đó, cao chỉ bốn tấc!

Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào thạch thất, vô lượng kỹ nhạc, không đánh mà tự hòa tấu, trời tuôn mưa các thứ hoa, khắp cả đại thiên thế giới, ngập tới đầu gối. Phật vừa tọa thiên, chánh định, thạch thất ấy đều như thủy tinh. Các chúng sinh gốc đức đã thuần thực ở trong tam thiên đại thiên thế giới đều thấy Như Lai an tọa nơi thạch thất, giống như gương sáng thấy rõ mặt mũi hình dáng mình. Phật đưa bàn tay phải phóng ra trăm ngàn ức hào quang. Hào quang này chiếu khắp cả thế giới tam thiên đại thiên khiến ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều bị lu mờ. Ngay khi ấy, tất cả chúng sinh đều dứt trừ dâm, nộ, si, chẳng còn tự đại, cao ngạo, ganh ghét, cũng không có nạn tranh tụng khó nhọc, tâm Từ cùng hưởng đến nhau như cha, như mẹ, như anh, như em, như con, như thân... Hành trạng Tam-muội của Đức Thế Tôn vĩnh viễn an định, không trụ, không tạo tác, tự nhiên như hư không, không có vọng tưởng, cả tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu cách chấn động. Lúc này, các cõi Phật đều thấy rõ thần lực, oai thần biến hóa của Phật, hai vạn hai ngàn Thiên tử đều phát Đạo ý chánh chân vô thượng (phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng), đều cầm hoa trời rải trên thạch thất để cúng dường Phật và nhiều quanh thạch thất ba vòng, bỗng nhiên biến mất. Hoa của chư Thiên tung rải, phủ đầy khe, núi, hóa thành chùa Phật. Hương thơm của hoa tỏa khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Phật liền biến thân đến chỗ Như Lai Thiên Vương Chí Chân Đẳng Chánh Giác là thế giới Phổ quang.

Bấy giờ, hằng hà sa số các cõi Phật ở mười phương, vì các chúng sinh nơi đời năm trước khó giáo hóa, nên chư Phật đều đi đến chỗ Phật Thiên Vương, cũng như Đức Như Lai Năng Nhân Chí Chân đã đến. Quốc độ kia cũng giống như ở đây gồm đủ cả dâm, nộ, si, tự đại, kiêu mạn, ngỗ nghịch, bất hiếu, dua nịnh, tà niệm, ý chí thấp kém. Vì sao? Vì chúng sinh ở nơi ấy chẳng đến gặp Phật, chẳng chịu thọ giáo; nếu có được nghe, thì chẳng nghe kỹ, chẳng tiếp nhận, chẳng suy nghĩ, làm theo. Vì vậy nên chư Phật dùng phương tiện quyền xảo, nhập thất thiên tọa, lại biến hóa thân hình đến thế giới Phổ quang, chỗ Phật Thiên Vương, giảng thuyết, phân biệt những pháp cốt yếu của chư Phật.

Thế nào gọi là pháp cốt yếu của chư Phật? Chư Phật Thế Tôn hội nhập hiện bày các hạnh luôn đầy đủ trọn vẹn, lại đạt đến cứu cánh tối hậu, vì thương xót chúng sinh, nên giảng diệu nghĩa nơi kinh điển gọi là pháp cốt yếu của chư Phật. Sau khi Như Lai

Chí Chân diệt độ, pháp ấy sẽ vì chúng sinh phát khởi sự che chở. Chư Phật đại Thánh là đấng Pháp chủ, đức hơn Tu-di, trí hơn sông biển, đạo vượt hư không, chẳng thể ví dụ. Do đâu tất cả kẻ ngu tối lười biếng, buông lung, chẳng thuận theo giáo pháp mà lại được thọ nhận kinh điển? Vì sao họ lại bê trễ, bỏ phước, mê mờ, mãi mãi bị che lấp, chẳng thoát khỏi ba đường? Chư Phật Thế Tôn thấy được nguyên nhân ấy, cho nên tập hợp những pháp cốt yếu để giảng giải.

Khi ấy, tại thế giới Phổ quang kia, vô số chư Phật, chẳng thể tính đếm mà biết được, đều cùng tụ hội nơi ấy. Vì sao gọi là Phổ quang? Cõi ấy hoàn toàn không có tên hàng Thanh văn, Duyên giác mà toàn là bậc Bồ-tát. Bồ-tát ở cõi ấy đều có hào quang sắc vàng ròng, tướng tốt trang nghiêm nơi thân, tỏa sáng soi chiếu khắp, không đâu là không chiếu đến, nên gọi là Phổ quang.

Vì sao gọi là kết tập pháp cốt yếu của chư Phật? Tức là tuân thủ, tôn sùng các pháp đúng như chân đế. Thế nào là các pháp? Thế nào là tôn sùng? Thế nào là tuân thủ? Tất cả các pháp đều là một pháp. Các pháp này cũng không có pháp, cũng không phải là không pháp, cũng chẳng thể nêu bày. Vì sao? Vì cái không pháp ấy thì không có nơi sinh, cũng không có chốn khởi mà vì chúng sinh thuyết giảng pháp thì chẳng tồn tại lâu dài, vì chỉ là mượn lời để nói mà thôi.

Bên trong có sáu nhập, bên ngoài cũng có sáu nhập, năm ấm, các chủng và các nhập, đó gọi là tất cả sở hữu, là do mượn lời nói để phân biệt về chương cú mà thôi. Tất cả các pháp, quán xét đúng với chân đế thì không có năm ấm, bốn chủng, các nhập, không có đoạn diệt, cũng không có thường còn, không có bền chắc, vì vậy nói là các pháp vô ngôn. Tất cả các pháp vốn thanh tịnh, tức không, không có tên gọi. Cái sinh mạng đã nói đó cũng không sở hữu. Tất cả các pháp và tên gọi đều cũng tự nhiên, hoàn toàn không sở hữu, đó là pháp cốt yếu của chư Phật.

Thế nào gọi là tôn sùng? Đó là tôn sùng sự tĩnh lặng hoàn toàn không có chỗ sinh khởi, tôn sùng vô dục, tôn sùng chân đế, tôn sùng vô bản, tôn sùng pháp giới, tôn sùng bản thể, các pháp đều không, tôn sùng chân đế ấy, tất cả các pháp đều không chỗ trú, không có chỗ tập hành, không có hành và chẳng hành nơi oai nghi lễ tiết, không chấp giữ vị lai, không có ngã, không có ngã sở, không có nghiệp phải thọ; do đó không có chủ thể, cũng không có người phục dịch, chẳng thể thấy được, vì rốt ráo là tận diệt vắng lặng cho nên chẳng thể tận diệt. Nhờ có văn từ thì cái vô tận ấy tức không có chỗ sinh, nó vốn thanh tịnh, nghĩa là tâm ý tĩnh lặng cũng không có chỗ sinh. Lìa bỏ chỗ sinh và không chỗ sinh thì cái đã tôn sùng ấy cũng không âm thanh, không tịch tĩnh, không thể đọa lạc, cũng không thoái chuyển, trừ bỏ các khuyến trợ, tức không có sự tốt cùng, cũng chẳng không có sự tốt cùng, chẳng khởi, chẳng sinh. Giảng nói về bình đẳng, cũng không niệm tưởng; không gần, không xa, cũng không dấu vết, nên gọi là tôn sùng. Chỗ tôn sùng ấy, gọi là hội nhập vào thành pháp. Tất cả các pháp đều là giả có tên gọi mà thôi, không đến, không đi, không được, không không được, không có dần đi, cũng không có trở về, chẳng chánh, chẳng tà, chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng nghĩ, chẳng biết, chẳng kinh, chẳng sợ, không ái, không xú, không có cái vắng lặng, chẳng vắng lặng, chẳng thô, chẳng tế, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng đây, chẳng kia, chẳng đến, chẳng ẩn, chẳng đặc nhân duyên, chẳng an, chẳng nguy, đều chẳng hiểu rõ, cũng không có chỗ hành, không có chỗ hưng phước, cũng không dứt bỏ, chẳng khiến phát khởi, chẳng dưỡng nuôi, chẳng ngủ nghỉ, chẳng xét, chẳng tưởng, chẳng đạt, chẳng niệm, không có hạn lượng. Chỗ niệm về vô lượng, không lấy, không giữ,

không chỗ gọi đến, chẳng qua bờ kia, chẳng có chốn, chẳng không có chốn, chẳng đoạn diệt, chẳng chấp thường, chẳng mất, chẳng được, không quá khứ, vị lai, hiện tại, không có tuệ, chẳng không có tuệ, chẳng nhiều, chẳng ít, không tiếng, không lời, cũng không chỗ nhập; không sợ không chữ, cũng không nhập nơi văn; chẳng động, chẳng lay, chẳng xa, chẳng gần; không lẽ bái, chẳng không lẽ bái; chẳng mong tiếng khen, cũng không có ngã của ta, không có thọ mạng của người, chẳng giới, chẳng phạm, chẳng nhẫn, chẳng tranh, chẳng tiến, chẳng lùi; không chỗ nào, cũng chẳng không chỗ nào, chẳng phải trong, chẳng phải không trong; chẳng phải không, chẳng phải không không; chẳng thân, cũng không thân; chẳng giảng giải danh hiệu, ngang bằng hư không; không hết, chẳng không hết, chẳng giáo hóa, chẳng nguyện, chẳng lừa, không tạo tác, không không tạo tác; vì không tai ương nên cũng chẳng trừ tội; không tưởng, không không tưởng; chẳng động, chẳng xả; chẳng cho cũng chẳng nhận; chẳng sơ, chẳng thân; chẳng động, chẳng tĩnh, chẳng diệt, chẳng bằng, chẳng sử, chẳng tận, chẳng trần, chẳng lừa trần, chẳng đọa, chẳng lạc, chẳng nhiễm, chẳng không nhiễm; chẳng quên, chẳng nhớ; chẳng sâu, chẳng lo, không nghĩ, không không nghĩ; không ứng hợp, không không ứng hợp; không đôi, không chiếc; không đi, không ở; chẳng bờ này, chẳng bờ kia; chẳng bĩ, chẳng thử; chẳng biên giới, chẳng lục địa, không đáy, không giữa, chẳng vượt qua, không có cái có thể vượt qua, chẳng tung tích, chẳng chí nguyện, chẳng thoái chuyển, chẳng hợp hội, chẳng đoạn, chẳng hoại, chẳng hợp lại, chẳng sánh nhau, chẳng đấm chấp, chẳng thoát khỏi, chẳng thủ, chẳng không thủ, chẳng không, chẳng không không, sáng tỏ vô cùng; chẳng ái chấp thọ mạng, không người, không giảng dạy; thường nên giảng thuyết bỏ các xứ sở là vào thành pháp; kẻ chẳng vào là mê đắm danh tự Bồ-tát; nói pháp không chấp trước, chẳng thấy trú xứ; như vậy gọi là tôn sùng, là pháp cốt yếu của Phật.

Thế nào gọi là tuân thủ? Các pháp thường trụ trú ở pháp giới. Người có khả năng phụng hành pháp như thế thì gọi là tuân thủ.

Thế nào gọi là pháp? Gọi là pháp tức chẳng nghĩ về pháp, không có chỗ bị phá hủy, chẳng ôm hy vọng, chẳng không hy vọng. Nếu không điều mong cầu thì cũng không nghĩ đến việc báo đáp. Nếu không mong cầu, báo đáp thì diệt trừ tất cả vọng tưởng; chẳng tạo nhiều, chẳng làm ít; chẳng khởi, chẳng đoạn, chẳng nghĩ về quá khứ, chẳng tưởng về vị lai, chẳng trụ nơi hiện tại. Hành giả như thế là bình đẳng nơi ba đời tức không ngôn thuyết, chẳng cần chấp trụ mà đến với chúng sinh, đó gọi là pháp. Vì vậy Như Lai diễn bày ngôn giáo ấy, Phật xuất thế hay không xuất thế, đều cùng an trú như vậy, pháp giới cũng thế. An trú nơi pháp giới là pháp giới vắng lặng. Vì duyên cố gì mà gọi là pháp? Đạt đến tịch nhiên, dùng sự thuận phục, trong lặng làm dụ, do đó nên gọi là các pháp tịch nhiên.

Thế nào gọi là không thuận? Chấp là ngã sở, tự cho là có thân, nhân duyên nơi các kiến chấp gọi là sắc, tư tưởng, xứ sở, ngôn từ, tri thức, nương tựa, đều là tâm suy lường, cân nhắc, quán xét gốc ngọn, ý tư duy, lãnh nạp năm ấm, bốn đại, các nhập. “Ta sẽ khuyến trợ mở bày giáo hóa ba cõi nên bỏ dâm, nộ, si, gọi là phụng tu đạo giáo, chứng ba môn giải thoát, đạt đến các quả vị Đạo tích (Tu-đà-hoàn), Vãng lai (Tư-đà-hàm), Bất hoàn (A-na-hàm), đến A-la-hán. Ta sẽ suy niệm, tu hành bốn Ý chỉ (bốn Niệm xứ), bốn Ý đoạn (bốn Chánh cần), bốn Thần túc (bốn Như ý túc), năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý cho đến tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, chiếu sáng bốn sự diệt hết phiền não cấu uế”, đó là Thanh văn, gọi là chẳng thuận.

Đối với họ, thế nào gọi là tịch nhiên? Hành Bồ-tát thừa, phát tâm rộng lớn: “Ta sẽ thành Phật, đốc cầu trí tuệ, ở nơi sự hành hóa việc này, ta sẽ bố thí, xả bỏ tham keo, ban bố pháp tài, giữ giới thanh tịnh, dứt các thiếu sót, cẩn thận giữ gìn các hành, kiến lập nhân nhục, cắt bỏ sân giận, hành hạnh nhu hòa, tu tập tinh tấn, dẹp bỏ cấu bẩn, biếng lười, nỗ lực hành trì; ở nơi vắng vẻ, thực hành thiền định; giáo hóa là chính, lại được nhất tâm. Từ thiền định xuất, suy niệm về Bát-nhã ba-la-mật-đa, phụng hành đúng nghĩa, dùng Trí độ vô cực (Trí ba-la-mật), mở bày, hóa độ chúng sinh, để cầu đạt quả Phật. Tất cả chư Phật đều do Bát-nhã xuất sinh; lại thành tựu quả Phật, hàng phục chúng ma, rồi Chuyển pháp luân độ thoát muôn loài, dùng pháp vô vi của Phật khiến được diệt độ, đạt Phật tuệ rất ráo. Tu học việc của chư Phật, tuyên dương sự nghiệp của Như Lai mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, các căn, lực gốc, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện tài (biện tài vô ngại) thấy đều thông suốt. Những điều đã nói, đã kiến lập của Bồ-tát nên suy nghĩ để xuất nhập, tiến thoái, đó là điều đúng. Tất cả vọng tưởng, các chỗ lãnh nạp và đem thực hiện thì không đúng, đó gọi là chỗ khởi đầu của sự thuận thực, tịch nhiên. Sự tịch nhiên ấy được gọi là pháp. Đó gọi là pháp cốt yếu của chư Phật.

Phật dạy:

–Lại nữa, gọi là pháp cốt yếu của chư Phật, chính là cái tâm Bồ-tát mới phát khởi, gọi là ngôn giáo. Thế nào là tâm Bồ-tát mới phát khởi? Đó là không từ đâu sinh. Vì sao? Vì trong tất cả tâm nhưng không có tâm. Cái không có tâm ấy là không có chốn sinh ra. Cái không chốn sinh ấy là tâm mới phát, do đạt được pháp Nhân không từ đâu sinh (pháp Nhân vô sinh). Lại nữa, nếu tâm Bồ-tát mới phát khởi với ý chí vững chắc thì Bồ-tát này phải phát tâm giống như kim cương.

Thế nào là phát tâm như kim cương? Bồ-tát phát tâm có mười việc làm như kim cương. Đó là:

1. Du hóa trong vô lượng hoạn nạn sinh tử.
 2. Tất cả mọi sở hữu đều đem bố thí không luyến tiếc.
 3. Luôn có tâm bình đẳng đối với chúng sinh.
 4. Ta sẽ hóa độ tất cả chúng sinh, lấy sự diệt độ của Phật mà diệt độ cho họ.
 5. Độ chúng sinh rồi, cũng không thấy có, người đạt đến diệt độ, vì hiểu rõ tất cả các pháp không có chốn sinh.
 6. Phân biệt hiểu rõ tất cả các pháp.
 7. Thường gia tăng tinh tấn không có sơ hở thiếu sót.
 8. Trí tuệ chiếu khắp, chẳng có gì là không thông đạt.
 9. Đầy đủ trí Nhất thiết, thấu suốt nhất môn.
 10. Những điều ái trọng không có tăng giảm, chẳng vì tham tiếc, dứt trừ đấm chấp.
- Đó là mười việc phát tâm của Bồ-tát, tâm như kim cương, là pháp cốt yếu của Phật.

Phật dạy:

Lại có Bồ-tát phát tâm, ở trong ba cõi, chẳng khởi các tưởng, chẳng khởi vô tưởng. Lại nữa, pháp cốt yếu của Phật là phụng hạnh sáu Độ vô cực. Những gì là sáu? Có loại Bồ thí ba-la-mật-đa thế tục, bị chìm đắm trong thế tục nên chẳng thể độ đời. Cũng có loại Bồ thí ba-la-mật-đa đời, chẳng rơi vào thế tục. Trì giới, Nhân nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Thiền định, Bát-nhã ba-la-mật, cũng lại như vậy. Hoặc có người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thế tục, chẳng thể hóa độ thế gian. Hoặc có người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đời, chẳng rơi vào thế tục.

Thế nào gọi là Bồ thí ba-la-mật-đa thế tục, chẳng thế độ đời? Khi Bồ-tát có sự bố thí rộng rãi, cung cấp cho các Sa-môn, ngoại đạo Phạm chí, kẻ bần cùng, người ăn xin, kẻ chẳng an thân, người đói thì cho ăn, người khát thì cho uống, xe cộ, voi, ngựa, giường nằm, y phục, vàng bạc, ngọc báu, vợ, con trai, con gái, phố phường, đất nước, ngoài ra, còn bao thứ của cải khác đều không chút nuối tiếc, bố thí tất cả. Nhưng làm việc bố thí như vậy rồi, chấp vào ngã của ta, ỷ vào của bố thí đó cho là ta đã xuất ra, cung cấp, những người kia là kẻ nhận. Ta là thí chủ không chút nuối tiếc, vì theo Phật dạy, thực hành Bồ thí ba-la-mật-đa. Nay, chỗ bố thí do trái với tâm bố thí là nguyện đến cho tất cả loài hữu tình, trở lại với sự khuyến trợ: khiến cho sự bố thí của ta sẽ làm cho chúng sinh vĩnh viễn được an ổn. Người làm việc bố thí ấy có ba điều vương mắc: Một là chấp ngã của ta; hai là chấp nơi tha nhân; ba là vọng tưởng chấp nơi vật bố thí, đó là Bồ thí ba-la-mật-đa thế tục, chẳng thế độ đời. Sao vậy? Vì triền miên ở trong thế tục, chẳng được độ thoát.

Thế nào gọi là Bồ thí ba-la-mật-đa độ đời, chẳng rơi vào thế tục? Đó là có thể làm thanh tịnh ba phẩm. Những gì là ba?

1. Bồ-tát ấy nếu khi bố thí chẳng chấp ngã của ta.
2. Chẳng thấy có người nhận, có sự nhận lấy.
3. Làm việc bố thí nhưng chưa từng vọng tưởng cầu mong, có sự báo đáp.

Có Bồ-tát bố thí vì để khuyến trợ tất cả chúng sinh. Nếu bố thí cho chúng sinh không thấy có người nhận, có sự nhận lấy, thì cốt là khuyến trợ cho đạo Chánh chân vô thượng. Vì ấy chẳng quán xét thấy sự nhận lấy để dùng. Đó gọi là Bồ thí ba-la-mật độ đời. Vì sao? Vì hóa độ được thế gian đạt đến giải thoát.

Thế nào gọi là ở tại thế tục? Nghĩa là bị năm ấm che lấp, có khả năng xả bỏ năm ấm này thì gọi là độ đời. Ai không chấp ngã của ta, không có niệm tưởng, cũng không có chỗ dựa, hoàn toàn không tham đắm, chấp trước, thì gọi là độ đời. Nếu đã thọ giới, cho người khác là hủy giới chẳng xứng pháp hạnh, hoặc tự cho là đã mở bày giáo hóa biết bao đệ tử, nhờ ta mà được độ, ta sẽ thành Phật, cứu giúp chúng sinh, tự cho có thân, chẳng hiểu vốn không, thì đó là Trì giới ba-la-mật thế tục, chẳng thế độ đời. Tuy đã trì giới, chẳng chấp ngã của ta, chẳng thấy người khác hủy pháp phá giới, đều bình đẳng cứu giúp họ, chẳng bỏ sinh tử, chẳng nương vô vi, tuy độ chúng sinh, nhưng đều rõ vốn là không. Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ cũng giống như thế. Người không tham đắm chấp trước tức xứng đáng độ đời. Người có đắm chấp thì rơi vào thế tục. Lại nữa, đối với các nghề nơi thế gian như trước tác, chú thuật, văn chương, toán pháp, năm kinh, sáu nghề, điển tịch của vua chúa, hành sự của thần tiên, mà có chỗ mong cầu, học hỏi, phát triển trí tuệ, thì đó là rơi vào Bát-nhã ba-la-mật thế tục. Nếu đối với thế gian có chỗ mong cầu, chẳng cho là trí tuệ, hiểu rõ về pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều bình đẳng, ngang bằng với ba đường, hiểu rõ chỉ là một Pháp thân, chẳng ở sinh tử, chẳng trụ diệt độ (Niết-bàn), mở bày giáo hóa tất cả, chẳng trụ vào chốn nào, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa độ đời, là pháp cốt yếu của Phật.

Khi giảng nói lời này, có bảy na-thuật (na-do-tha) Bồ-tát ở cõi Phật Thiên Vương, đạt được pháp Nhẫn không từ đâu sinh, tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu loại chấn động, trời rải hoa, ánh sáng tỏa chiếu khắp mười phương.

Lại nữa, pháp cốt yếu của Phật là nơi chốn Bồ-tát nhập vào. Thế nào là nơi chốn? Gọi là nhập vào, tức đối với tất cả pháp đều không có chỗ nhập. Các pháp không đến, cũng không đi, tất cả các pháp cũng không mất, chẳng nghĩ về chốn đạo, cũng không có

tưởng, tu sửa quả vị mà chẳng thấy có nơi chốn. Thế nào là tu sửa quả vị?

Bồ-tát tu học Trụ thứ nhất, có mười pháp. Những gì là mười?

1. Trong sạch, tánh tình hòa nhã.
2. Thương xót các loài hữu tình.
3. Tâm bình đẳng, nhằm cứu giúp chúng sinh.
4. Ưa thích bố thí, cứu giúp người túng thiếu.
5. Gần gũi bạn lành, học hỏi mãi mãi.
6. Cầu học kinh điển, giải bày chỗ nghi ngờ.
7. Luôn nghĩ về xuất gia, chẳng tham chuộng nghề nghiệp.
8. Chí cầu thân Phật, đạt được vô hình.
9. Khai mở pháp thí vì cho là không gì bằng.
10. Dứt bỏ tự đại, thường giữ thành tín.

Đó là mười pháp tu hành của Bồ-tát mới phát tâm.

Bồ-tát tu hành Trụ thứ hai, thường nên ân cần phụng hành tám pháp. Những gì là tám?

1. Phụng hành giới thanh tịnh, không bị nhiễm ô.
2. Thường tu hiếu thuận, nghĩ báo ân đức.
3. Được có uy lực thì nhẫn nhục làm căn bản.
4. Tuân tu cung kính, thường mãi an vui.
5. Chẳng bỏ tất cả loài chúng sinh.
6. Hiện hành lòng thương bao la chưa từng bỏ quên.
7. Phụng kính sư trưởng, xem như Đức Thế Tôn.
8. Tinh tấn chỉ cầu đạt đến giải thoát (Ba-la-mật).

Đó là tám pháp.

Bồ-tát tu hành Trụ thứ ba, có năm pháp? Những gì là năm?

1. Nghe nhiều, chẳng nhàm chán.
2. Khai mở, chỉ bày pháp xa lìa sự ăn, mặc.
3. Phát huy phước đức gốc, khuyến trợ cõi Phật.
4. Chán ghét vô lượng hoạn nạn nơi sinh tử.
5. Luôn luôn biết xấu hổ, lòng thương thức tỉnh, biết hổ thẹn.

Đó là năm pháp.

Bồ-tát tu hành Trụ thứ tư, lại có mười pháp. Những gì là mười?

1. Tu tập ở chỗ vắng vẻ, tâm chí thường tịch tĩnh.
2. Biết hạn chế, tâm luôn biết đủ.
3. Dứt bỏ đùa giỡn, giễu cợt.
4. Luôn giữ giới cấm thận trọng, chưa từng hủy phạm.
5. Chán bỏ năm dục, ở chỗ điều hòa.
6. Đã phát tâm điều gì quyết đạt đến thành tựu.
7. Tất cả sở hữu đều đem ban phát, tâm không tham chấp.
8. Tâm thường dũng mãnh, chẳng khiếp nhược.
9. Không mến tiếc tất cả sở hữu.
10. Phước đức có được đem ban cho chúng sinh.

Đó là mười pháp.

Bồ-tát tu học Trụ thứ năm, lại có mười pháp. Những gì là mười?

1. Xả bỏ gia nghiệp.

2. Xa lìa Tỳ-kheo-ni.
3. Dứt bỏ tâm niệm tham lam, ganh ghét sân có.
4. Xa lìa bè đảng, nơi chốn đông đảo ồn ào.
5. Giải tỏa mọi gốc rễ tranh tụng sân hận.
6. Chẳng tự khen mình, chẳng chê bai người khác.
7. Trừ bỏ ý tưởng nơi mười ác, kiêu mạn.
8. Thường cắt đứt giáo thuyết bốn điên đảo, chẳng thuận.
9. Dứt trừ tham dâm, sân hận, ngu si.
10. Trừ khử vọng tưởng chấp trước chướng ngại.

Đó là mười pháp.

Bồ-tát tu học Trụ thứ sáu, phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, chẳng học theo sáu việc. Những gì là sáu?

1. Tâm vắng lặng, chẳng cầu hàng Thanh văn.
2. Tâm sáng suốt chẳng chuộng hàng Duyên giác.
3. Tâm chẳng bỏ tất cả chúng sinh.
4. Thấy người cầu xin, tâm chẳng khiếp nhục.
5. Chưa từng tu hành pháp đem lại lo buồn.
6. Chẳng chuộng tòa ngồi ở chỗ cao có thêu thùa đẹp đẽ.

Đó là sáu pháp.

Bồ-tát tu học Trụ thứ bảy, bỏ hai mươi việc. Những gì là hai mươi?

1. Chẳng chấp thân.
 2. Chẳng chấp nơi người.
 3. Chẳng chấp về tuổi thọ.
 4. Chẳng chấp mạng sống.
 5. Chẳng chấp đoạn.
 6. Chẳng chấp thường.
 7. Chẳng vọng tưởng.
 8. Chẳng chấp sự hiểu biết về báo ứng.
 9. Chẳng thấy về danh và sắc.
 10. Chẳng dựa vào năm ấm.
 11. Chẳng tham nơi bốn đại.
 12. Chẳng nương vào các trần, nhập.
 13. Chẳng đắm nơi ba cõi.
 14. Chẳng gần gũi người ác.
 15. Vĩnh viễn an ổn, không chấp trước.
 16. Không giới hạn việc không làm.
 17. Chẳng tham chấp nơi Phật cho đến cứu cánh.
 18. Chưa từng thuận theo sáu mươi hai thứ kiến chấp.
 19. Hoàn toàn hiểu rõ các pháp, chẳng bài bác không.
 20. Biết tất cả vốn là không, chẳng mong cầu nơi đạo.
- Để thực hiện những pháp này, phải đầy đủ hai mươi việc.

1. Thấu hiểu hành không.
2. Rõ biết về vô tướng.
3. Phân biệt vô nguyền.
4. Tịnh tu ba đạo tràng.

5. Thường mang tâm Từ bi.
6. Thương xót chúng sinh.
7. Chẳng chấp nơi chúng sinh.
8. Quán các pháp bình đẳng.
9. Hiểu rõ pháp môn chỉ.
10. Pháp Nhẫn không từ đâu sinh.
11. Không vượt Thánh trí.
12. Nói rõ nghĩa nhất phẩm.
13. Dứt bỏ các niệm.
14. Trừ khử vọng tưởng.
15. Xả bỏ tà kiến.
16. Diệt bỏ trần lao cấu uế.
17. Quán cõi tịch nhiên.
18. Tâm ý điều hòa.
19. Chẳng ôm lòng hại.
20. Chẳng nhiễm kết sử.

Đó là hai mươi việc.

Bồ-tát ở Trụ thứ tám, phải thực hành bốn pháp? Những gì là bốn?

1. Tâm đến với chúng sinh, dùng trí tuệ thần thông dẫn dắt giáo hóa họ.
2. Thấy cõi Phật, quán không, khiến cái thấy đạt đến cứu cánh.
3. Kính lễ thân Phật, nhận ra chỗ mình không bằng.
4. Đã thấy thân Phật, nên quán xét kỹ lưỡng.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp:

1. Hiểu biết đầy đủ về nguồn gốc của chúng sinh, tùy theo sự ưa thích của họ mà chỉ bày.
2. Làm nghiêm tịnh cõi Phật, ân cần siêng học Tam-muội như huyễn.
3. Theo sự ưa thích của chúng sinh nên dẫn giải và cứu độ họ.
4. Quán xét nơi năm đường chúng sinh thọ sinh để theo đấy mà độ thoát họ.

Đó là bốn pháp.

Bồ-tát ở trụ Thứ chín, nên phân biệt, tu học về gốc của các nguyện lành, theo điều đã thề nguyện liền được thành tựu. Biết rõ phân biệt ngôn từ đã nói của chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân, rồi dùng biện tài, tùy theo từng loại âm thanh mà thuyết pháp cho họ. Ngay trong thai mẹ đều đã biết rõ và khi sinh ra trong chủng tánh, quyến thuộc nào, tại gia hay xuất gia, ngôi nơi cội cây giác ngộ (Bồ-đề) trang nghiêm đạo tràng, tất cả công đức đầy đủ nơi Phật pháp, thấy đều trọn vẹn.

Bồ-tát ở Trụ thứ mười, tức được gọi là Như Lai Chí Chân, nếu đã nhập vào trú xứ này. Quả vị ấy chính là cõi đạo của chư Phật, gọi là pháp cốt yếu của Phật.

Lại nữa, pháp cốt yếu của Phật, bằng với văn tự đã giảng nói, cũng bằng với sự nhập vào của không mà văn tự đã giảng nói. Thế nào là cửa không mà văn tự đã giảng nói? Tất cả các pháp đều là cửa không. Vì sao gọi là không? Vì làm cho các pháp nơi vị lai không phát sinh. Vì nhằm diệt trừ sự đắm chấp nơi cửa dục của các pháp. Sự độ thoát của cửa ấy là tuyên thuyết thông suốt gốc ngọn của các pháp một cách rốt ráo. Sự tu hành của cửa ấy là đối với tất cả các pháp không buông, không bỏ, chẳng mất, chẳng

sinh. Danh xưng của cửa ấy là tất cả các pháp đã lia tên gọi, nên tên nó vốn thanh tịnh, không đạt, không mất. Sự nhẹ nhàng của cửa ấy là vượt qua tất cả sự mê lầm, khinh mạn của các pháp và nguyên do phát sinh cội nguồn ân ái, nhân duyên báo ứng. Sự thuận lợi của cửa ấy là nêu bày thông tỏ sự điều định, hàng phục của các pháp. Sự gắn bó của cửa ấy là hiểu rõ về tất cả pháp, làm phát khởi chỗ tịch tĩnh. Sự thiêu đốt của cửa ấy là thiêu rụi các pháp, khiến được thanh tịnh. Sự tỏa sáng của cửa ấy là đối với tất cả các pháp không có chướng ngại, không đấm không thoát. Sự hướng đến của cửa ấy là đoạn trừ âm hưởng dội lại của các pháp, nhưng chẳng bỏ cội gốc. Chỗ như như của cửa ấy là hiểu rõ về cội gốc, chẳng tiến, chẳng động. Sự tùy thuận của cửa ấy là từ tất cả pháp mà phát khởi. Nơi chốn của cửa ấy là đối với tất cả pháp cũng không có nơi chốn, chẳng hủy hoại lo buồn. Sự tạo tác của cửa ấy là chẳng thấy các pháp có chỗ tạo tác chủng tánh. Sự bình đẳng của cửa ấy là đối với tất cả pháp, phụng tu bình đẳng, nhưng không thoái chuyển. Sự cấu bản của cửa ấy là chấp các pháp đã xa lia cấu uế, gốc ngọn không lỗi lầm. Sự lãnh nạp của cửa ấy là thâu giữ các pháp mà không sở đắc. Ý chí thâm diệu, đối với sáu nhập và tất cả các pháp đều được vĩnh viễn tịch tĩnh. Bờ bến của cửa ấy là tất cả các pháp khiến vượt qua bờ kia, chẳng thấy kia, đây, độ, chưa độ. Sự sinh khởi của cửa ấy là chẳng bị các pháp sinh, già, bệnh, chết. Sự tư duy của cửa ấy là tất cả các pháp đều là tịch tĩnh, chẳng niệm, chẳng xả, không đấm, chẳng chấp. Pháp của cửa ấy là pháp giới thường trụ, nhưng theo thời mà hưng hiển các kinh. Sự tịch tĩnh của cửa ấy là tất cả các pháp đều ở nơi yên tĩnh, vắng lặng, không có hoạn nạn. Sự rỗng lặng của cửa ấy là tất cả các pháp đều như hư không, không cội nguồn, không chỗ đứng. Sự tận diệt của cửa ấy là các pháp đều diệt tận mà không thoái chuyển, vĩnh viễn tịch diệt. Sự an trụ của cửa pháp ấy là các pháp không động, không thể lay động. Trí tuệ của cửa ấy là do từ trí tuệ đó không có chốn tập, hành, đều không thể biết, cũng không không biết, không nghĩ, không thấy. Sự tách rời của cửa ấy là tất cả các pháp không tương ứng, chẳng ứng hợp, cũng không hợp, không tan, ngôn từ thoảng đạt. Sự xiển dương của cửa ấy là tuy đạo khắp các pháp nhưng diệt trừ các cấu uế. Sự che khuất của cửa ấy là đối với tất cả pháp, trừ bỏ sự che khuất, làm cho hiểu biết về không, không bỏ sáu việc. Sự nhớ nghĩ của cửa ấy là đối với các pháp tiêu trừ chỗ phát sinh, chẳng nhớ, chẳng quên. Sự dừng nghĩ của cửa ấy là các pháp đều do nhân không mà sinh, sợ hãi về các khổ duyên sinh. Sự trừ khử của cửa ấy là đối với tất cả pháp, xả ly chấp trước về đoạn diệt, hữu thường. Số lượng của cửa ấy là đối với các pháp đều chẳng nêu lên chỗ phát sinh, các số lượng đã có không nhiều, không ít. Chỗ đứng của cửa ấy là tất cả pháp trụ nơi chỗ không trụ, dẹp bỏ các nơi chốn. Cái vô của cửa ấy là các pháp không đến, không đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng dạo chơi, chẳng ngủ nghỉ, không tương ứng, chẳng ứng hợp. Sự đầy đủ của cửa ấy là đối với các pháp cái tồn tại đầy đủ là không sáu không độ, chẳng độ, cùng khắp các nơi, giống như hư không. Ấm của cửa ấy là đối với các pháp đều hiểu biết về năm ấm khởi hay không chỗ khởi. Âm vang của cửa ấy là hiểu tất cả pháp không có âm thanh nghĩa là không có âm vang, vĩnh viễn lia vãn từ. Sự sai khác của cửa ấy là hiểu rõ các pháp, tuy ở trong phóng dật mà không dong ruổi. Sự bền chắc của cửa ấy là hiểu rõ các pháp, phá tan sự bền chắc, khiến vĩnh viễn diệt độ. Sự tiêu trừ của cửa ấy là đều thấu đạt các pháp, hiểu rõ giới hạn, nhưng không có nơi chốn, không có đầu, cuối, cũng không có sinh, giống như Thế Tôn. Chấp vào văn tự thì không thể kham nhận, thêm nhiều ngôn từ cũng không sở hữu, lại cũng không có tên gọi văn tự, không ngôn ngữ, cũng không đàm luận, chẳng

chấp nơi mục đích, không viết, không đọc. Vì sao? Vì đều là hư giả không thật. Các pháp như thế do đấy mà có nhập vào Tổng trì. Dựa nơi cái không có ấy mà tuyên thuyết để dẫn vào không. Ai có khả năng hội nhập được như thế là gần với hạnh Bồ-tát, đối với văn tự sẽ hiểu rõ, không vướng mắc nơi dấu vết thì chẳng bị văn tự trói buộc, lần lượt phân biệt nguyên ủy của các pháp, chóng đạt được Thánh tuệ, nguyên do của âm thanh. Giả sử Bồ-tát nhập vào Tích môn không ấn nơi văn tự ấy, hoặc nghe, hoặc thọ trì ghi nhớ, gán bó vì người khác tuyên thuyết, tâm chẳng đọa lạc thì có khả năng trừ bỏ hai mươi kết sử:

1. Ý chí mạnh mẽ chẳng khiếp nhược.
2. Ý chí luôn thức tỉnh, chẳng bị hoảng hốt.
3. Có thể đi một mình, không bị tai nạn.
4. Tâm kiên cường, chẳng yếu đuối.
5. Chí luôn biết xấu hổ, đầy đủ sự hổ thẹn không gì bằng.
6. Ý chí có khả năng hiểu thấu, không gì là chẳng thông đạt.
7. Trí tuệ cao vời chiếu sáng khắp cả.
8. Ngôn từ biện tài, không có một lời vấp váp.
9. Đạt đến Tổng trì, ghi nhớ những điều đã nghe, chưa từng quên mất.
10. Trừ bỏ lưới nghi không có do dự.
11. Thông đạt chẳng ngần ngại.
12. Ngay chỗ đi hay ở, nơi đông người chẳng làm tăng hay giảm.
13. Ngôn từ nhu hòa, không ai là không kính trọng.
14. Nếu nghe lời nói thô tháo chẳng rầu buồn.
15. Tánh tình chẳng vội vã, nôn nóng mà thường an nhiên, thư thả.
16. Chỗ an trú sáng tỏ, phân biệt âm hưởng.
17. Hiểu rõ nhân duyên báo ứng nơi năm ấm, bốn đại, các nhập.
18. Phân tích các pháp một cách thông suốt và hiểu rõ các pháp, biết tâm niệm người để thuyết pháp cho họ.
19. Biết rõ về nơi chốn, chẳng phải nơi chốn, giới hạn và không giới hạn, thấu đạt trí tuệ, rõ biết phương tiện khéo léo, tùy thời khai mở giáo hóa.
20. Biết phân biệt các việc tiến, thoái, ra, vào, oai nghi, lễ tiết, biết hổ thẹn, cảm gờm rần chắc có thể đi vào các cõi hưng phát đạo Chánh chân Vô thượng.

Văn tự được nêu bày này là cửa không ấn, hoặc nghe, hoặc thọ trì, giữ gìn, đọc tụng thì người có đạt được mười công đức:

1. Đời sinh ra không thọ thân nữ.
 2. Trừ bỏ các nạn và tám chốn không yên tĩnh.
 3. Tại chỗ đi và ở thường được nhân hạ, chẳng vội vàng, hấp tấp.
 4. Thường gặp đời có Phật, được thấy Thế Tôn, lòng sinh vui mừng.
 5. Tâm ý an nhiên, cúng dường bậc Đại Thánh.
 6. Đức Như Lai thấy chỗ tâm thành nên thuyết giảng kinh điển.
 7. Nghe Như Lai nói xong liền phụng hành.
 8. Tìm cầu được ngay, vững vàng không thoái chuyển.
 9. Hiểu rõ không tuệ đạt pháp Nhẫn vô tung sinh (vô sinh).
 10. Mau chóng thành tựu đạo Chánh chân vô thượng. Đó là pháp cốt yếu của Phật.
- Lại nữa, nêu bày về pháp cốt yếu của Phật là bình đẳng nơi ba đời, làm nghiêm tịnh ba đạo tràng đạt vô sở sinh, hiểu pháp chân đế, thấu rõ ba cõi, hết dâm, nộ, si, an

nhiên, không ham thích, không đoạn, không thường, không ở, không trụ, quy ba thừa về một cửa, thông đạt các pháp, không điều tranh cãi, đạt đến chỗ cao tột, không đi, không bước, không tư tưởng, không so sánh.

Lại xét về Phật là chưa từng giác ngộ, đạt Tối chánh giác, chẳng xét đoán các pháp, chẳng biết, chẳng đắc. Phật chẳng đạt tuệ, cũng chẳng không có tuệ, chẳng hợp với trần lao, cũng không sân giận, cũng chẳng thủ chứng, chẳng đắc, chẳng ngại, cũng không chỗ hành, chẳng trụ nơi bình đẳng. Phật chẳng đắc đạo, cũng không có cái mất, không pháp, không chúng. Phật chẳng đắc Phật, chẳng tướng Bồ-tát, chẳng mở, chẳng trói. Tất cả chúng sinh vốn rất thanh tịnh. Phật chẳng thấy pháp, chẳng nghe, chẳng niệm, cũng không dạy gì. Phật không nói gì, cũng không ngôn từ. Hiểu rõ về chư Phật chính là biết về vô ngôn, lúc đầu chẳng diễn nói, ở đời vị lai cũng không chỗ nêu bày, chẳng dạy người nói, không tuệ, chẳng tuệ. Phật chẳng phải là Bạc Thế Tôn, cũng chẳng phải là hoàn toàn thanh tịnh với đức của Thế Tôn. Phật chẳng ăn uống, chẳng bố thí cho người ăn. Phật không có thân, cũng không hình thể, chớ quán Như Lai có sắc thân, không tướng, không hảo, không có kinh điển cùng với pháp giới. Phật chẳng xuất hiện, cũng chẳng thường tồn, chưa từng diệt độ, cũng không có chỗ diệt. Vì sao? Vì tất cả các pháp là vĩnh viễn diệt độ (vắng lặng). Phật chẳng độc cư, chẳng ở với đại chúng, không thể thấy Phật, cũng không nghe nói, không có cúng dường. Xét pháp của chư Phật không có từng ấy, cũng chẳng phải có một. Phật chẳng đắc đạo, chẳng cầu nơi chốn, chẳng chuyển pháp luân, cũng chẳng thoái lui, Phật như giả hiệu. Xét về Như nơi Phật, âm thanh cũng Như, quá khứ, vị lai âm hưởng không khác. Quá khứ, vị lai bình đẳng, sự bình đẳng ấy không thiên lệch. Đã không thiên lệch. thì cái vô kia là vô lượng. Cái vô kia là vô lượng thì nó không tử vong; do chỗ không tử vong kia nên chẳng hành y được. Đó là pháp cốt yếu của Phật.

Nhằm để truyền bá pháp Phật đã giảng nói, là vì thương xót muốn cứu độ chúng sinh. Phật không kết tập pháp cốt yếu, cũng không phân biệt, cũng chẳng giảng luận về ý nghĩa của pháp cốt yếu. Đức Như Lai Thiên Vương khi giảng thuyết về ý nghĩa của kinh điển thuộc pháp cốt yếu của chư Phật, có một vạn hai ngàn Bồ-tát ở thế giới Phổ quang đều chứng đắc pháp Nhẫn không từ đâu sinh. Bấy giờ, các vị Bồ-tát đều chẳng tự thấy bao nhiêu ức Phật, chỉ có thấy một Đức Phật là Như Lai Thiên Vương.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở thế giới Kham nhẫn, tự suy nghĩ: Hôm nay, chư Phật Thế Tôn ở mười phương thế giới như cát sông Hằng, đều vân tập tại trụ xứ của Phật Thiên Vương ở phương Đông, cùng tuyên dương pháp cốt yếu của Phật. Ta nên đi đến thế giới ấy để chiêm ngưỡng chư Phật và học hỏi, thọ trì kinh điển. Ta thường đi đến khắp mười phương thế giới kính lễ chư Phật và nghe thuyết pháp. Nay đây, quý Ngài đều vân tập tại một cõi Phật là cơ hội khó gặp, rất hiếm, chưa từng có. Như vậy giống như bậc Thánh vô thượng xuất hiện ở đời, chẳng thể gặp lại, khó có thể thấy, nghe. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Bồ-tát có thể cùng tôi đi đến cõi Phổ quang của Đức Phật Thiên Vương, nơi ấy có vô số trăm ngàn ức Phật đã vân tập đến, đều cùng tuyên dương pháp cốt yếu của chư Phật, nên cùng đến đó để nghe, thọ trì và chiêm ngưỡng chư Phật. Vì sao? Vì các bậc Đại Thánh đều vân tập tại một nơi khó có thể gặp được.

Bồ-tát Di-lặc đáp lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát muốn đi thì cứ lên đường, còn tôi thì không đi. Vì sao? Vì chư Phật vân tập, hội đủ đạo đức cao vời, chẳng thể lấy gì ví dụ, thân chẳng thể, cũng không thể thấy

hình, nghe tiếng. Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chớ quán chư Như Lai bằng hình sắc, Phật là Pháp thân, Pháp thân thì không thấy, không nghe, không có sự nuôi dưỡng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát không cúng dường Như Lai sao?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Tôi không cúng dường. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân thì không thể cúng dường. Vốn không có Như Lai nên không có hai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Cái gọi là cái không có hai ấy là gì?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Cái không hai ấy là không chấp trước, chẳng thể cân đo, không có số lượng. Nói không hai là chẳng tạo hai nghiệp. Hai nghiệp là gì? Phiền não ấy là ôm lòng sân hận, phát khởi các tri kiến sinh diệt thế này: Đây là giữ giới, đó là hủy giới, vọng tưởng kia, đây gọi đó là hai. Đây là Thanh văn, đó là Duyên giác, kia là Đẳng giác, vọng tưởng như thế là tạo ra hai; đây là Thanh văn, là Duyên giác, là Phật, mang ý tưởng như thế gọi là hai. Nên dứt trừ điều này phụng hành pháp nọ, chứng ngộ pháp kia, đó là hai. Phân biệt kia là tuệ kia là chẳng phải giải tuệ. Giả sử Bồ-tát Văn-thù nghĩ chấp hai loại tuệ ấy, ý chí đặt ở việc tiến thoái, cho đến chấp Phật, tức là tạo hai nghiệp. Dù suốt một kiếp hay hơn một kiếp tôi giảng nói về hai nghiệp với tài hùng biện cũng không cùng tận được. Vì sao? Vì chấp vào cái hai nhưng thật không có hai. Quả quyết nêu rõ là đều nhập vào một nghĩa vì tất cả các pháp đều không có số lượng.

Bồ-tát Văn-thù nói:

–Nay Nhân giả đang rơi vào sự điên đảo lớn. Tất cả các pháp đều không có chỗ phát sinh, gắng gượng phân biệt, với biết bao ngôn từ, rồi trở lại than thân là suốt một kiếp hay hơn một kiếp tôi biện thuyết cũng không hết.

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Dựa vào văn tự mà nói là có chấp trước. Quán xét tất cả pháp thật không có tướng sinh, chỗ sinh, chẳng thể lay động.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi gọi các Bồ-tát khác, các thiện nam cùng đến chỗ Phật Thiên Vương để chiêm ngưỡng các Đức Như Lai, lãnh hội, thọ trì giáo pháp. Bồ-tát Biện Tích hỏi Bồ-tát Văn-thù:

–Như Lai Chí Chân chẳng thể thấy được, vì sao Nhân giả nói ra lời này: “Nên cùng đến chiêm ngưỡng Như Lai?” Như Lai ở đâu mà muốn gặp? Đã từng nghe Phật dạy: “Như Lai Chí Chân không đi, không đến”. Nay thiết nghĩ, pháp ba đời đều rỗng lặng, không có, nên chẳng thể thấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có lời giảng nói này:

–Đến để chiêm ngưỡng Như Lai, vậy dùng loại mắt nào để chiêm ngưỡng Như Lai? Nhục nhãn thấy chăng? Hay dùng Thiên nhãn? Nếu dùng Nhục nhãn thì Nhục nhãn không thấy. Vì sao? Vì Nhục nhãn là không. Đã là không thì không có cái thấy. Nếu dùng Thiên nhãn thì Thiên nhãn không có niệm tưởng, chẳng dùng niệm tưởng để có thể thấy Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như thiện nam nay đã suy nghĩ, không có Như Lai, cũng không có kinh điển, không thấy, không cúng dường. Như chủ ý của Bồ-tát Biện Tích đã nói thì đâu có thể giảng thuyết, phân biệt bằng ngôn từ về “Chư Phật Như Lai”. “Chúng sinh qua lại cúng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

dường, phụng sự” đều là văn tự giả lập, văn tự vốn rỗng lặng, vì vậy gọi đó là bình đẳng. Như Lai không ngôn thuyết, không căn nguyên, không động chuyển, vốn tự rỗng lặng nghĩa là hai sự việc trên đều bình đẳng. Như Lai không ngôn thuyết, không căn nguyên, không động chuyển, ai mà lãnh hội được thì có thể cùng đi, còn ai không đi thì thôi, ta sẽ đi một mình.

*Vô hình mà hiện hình
Cũng chẳng trụ ở sắc
Muốn khai hóa chúng sinh
Hiện thân có giáo huấn.
Phật hội nhập vô sắc
Cũng chẳng chấp hữu vi
Đều độ khắp tất cả
Nên Đạo sư hiện thân.*

